

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TML23B4
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Tiếng anh(4)	Kỹ năng mềm(2)	Lạnh cơ bản(6)	Trang bị điện(5)	Điểm TB	Xếp loại
01	2355202054151	Trương Thanh	Bình	03/08/2008	8.1	5.8	6.6	8.1	6.3	7.0	Khá
02	2355202054152	Nguyễn Văn	Chương	21/08/2007	0.0	0.0	0.0	0.5	0.0	0.2	Yếu
03	2355202054153	Nguyễn Hoàng	Danh	09/08/2008	9.1	5.8	7.0	8.5	7.7	7.6	Khá
04	2355202054154	Nguyễn Đoàn Quốc	Duy	19/08/2008	9.4	6.2	8.7	8.2	7.9	7.9	Khá
05	2355202054155	Nguyễn Quốc	Hậu	03/01/2008	9.2	7.0	8.7	8.8	8.6	8.4	Giỏi
06	2355202054157	Ngô Hoang	Huy	14/04/2008	9.2	5.3	5.9	8.2	7.2	7.2	Khá
07	2355202054158	Nguyễn Võ Quang	Huy	27/03/2008	0.0	0.0	0.0	0.3	0.0	0.1	Yếu
08	2355202054159	Nguyễn Hoàng	Khang	27/10/2008	8.9	6.3	6.6	8.4	7.6	7.6	Khá
09	2355202054161	Mai Hồng	Khanh	12/09/2008	9.4	6.8	6.0	7.7	6.8	7.3	Khá
10	2355202054162	Nguyễn Đăng	Khoa	20/12/2003	9.5	7.2	7.8	8.9	8.6	8.4	Giỏi
11	2355202054163	Nguyễn Tiến	Khoa	12/04/2008	8.8	6.8	7.1	8.6	8.6	8.1	Giỏi
12	2355202054164	Nguyễn Tuấn	Kiệt	10/07/2008	9.1	6.4	8.3	8.2	8.0	7.9	Khá
13	2355202054165	Trần Nguyễn Sĩ	Luân	29/09/2008	9.2	6.3	7.4	9.4	8.8	8.4	Giỏi
14	2355202054166	Đặng Gia	Minh	16/09/2008	8.4	5.3	7.9	8.4	6.2	7.1	Khá
15	2355202054167	Nguyễn Lê Nhựt	Nam	24/06/2001	8.9	5.7	6.1	8.3	5.6	6.9	Trung bình
16	2355202054168	Nguyễn Tín	Nguyên	22/06/2008	9.1	7.0	7.2	8.3	7.2	7.7	Khá
17	2355202054169	Nguyễn Trọng	Nguyên	07/12/2007	8.6	5.1	5.3	7.6	5.0	6.3	Trung bình
18	2355202054170	Trần Văn Vạn	Phát	17/08/2007	8.9	5.8	6.5	8.6	7.4	7.5	Khá
19	2355202054171	Võ Tấn	Phong	12/10/2008	3.8	0.8	2.0	7.5	0.9	3.4	Yếu
20	2355202054172	Nguyễn Văn	Phúc	08/02/2008	9.1	7.4	8.0	8.8	7.6	8.1	Giỏi
21	2355202054173	Lê Huy	Phục	19/02/2008	8.8	5.5	5.5	9.1	7.3	7.5	Khá

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Tin học(2)	Tiếng anh(4)	Kỹ năng mềm(2)	Lạnh cơ bản(6)	Trang bị điện(5)	Điểm TB	Xếp loại
22	2355202054174	Trần Văn Quý	23/09/2008	9.1	6.9	8.9	8.9	8.7	8.4	Giỏi
23	2355202054175	Nguyễn Phước Sang	21/06/2008	3.6	0.2	0.0	5.7	0.0	2.2	Yếu
24	2355202054176	Võ Thành Tâm	10/04/2008	8.5	5.6	7.2	8.8	5.6	7.1	Khá
25	2355202054177	Nguyễn Quốc Thắng	16/02/2008	0.0	0.0	0.0	0.3	0.0	0.1	Yếu
26	2355202054178	Lương Phạm Trung Tính	14/03/2008	3.6	0.2	2.0	6.9	0.4	2.9	Yếu
27	2355202054179	Lê Thanh Trí	23/09/2008	0.0	0.8	0.4	0.2	0.0	0.3	Yếu
28	2355202054181	Đoàn Thanh Tuyền	26/03/2008	0.0	0.2	0.0	0.3	0.0	0.1	Yếu
29	2355202054182	Thái Minh Tường	14/09/2008	8.9	6.6	6.6	8.6	8.6	8.0	Giỏi
30	2355202054183	Trần Sao Vàng	01/11/2006	8.9	8.4	8.5	9.1	8.7	8.8	Giỏi
31	2355202054184	Lâm Hòa Phương Vinh	01/03/2008	8.3	6.0	6.1	8.9	5.6	7.1	Khá
32	2355202054185	Nguyễn Công Vinh	09/07/2008	9.4	7.4	8.3	8.7	5.6	7.6	Khá

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 12 tháng 07 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái